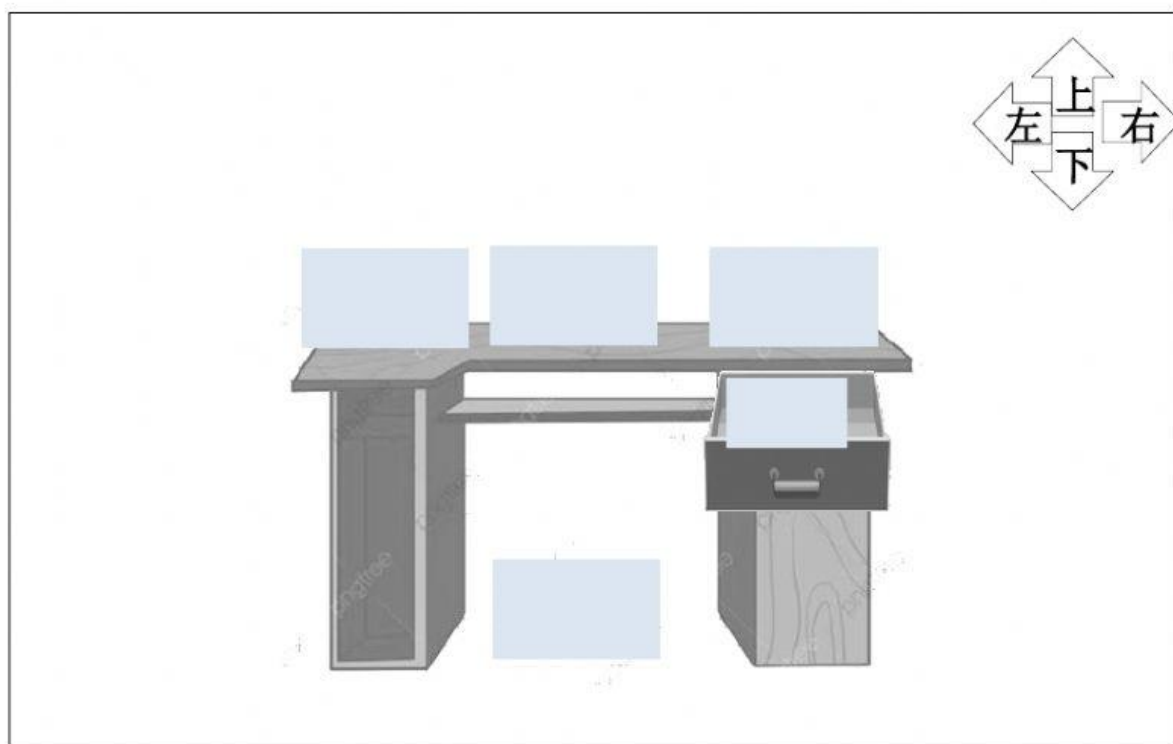


### 听后填图



1. 书 shū

5. 台灯 táidēng

2. 书包 shūbāo

6. 照片 zhàopiàn

3. 桌子 zhuōzi

7. 笔 bǐ

4. 抽屉 chōuti